

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

36
CÔNG
T
- T
- T
- V
- T

370
C
C
A
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/08/2020)
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2020)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/11/2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Số: 492/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thụy Nhã Vy
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1875-2018-026-1

(Theo giấy ủy quyền số 06/2020-21/UQ-RSM
ngày 01 tháng 10 năm 2020)

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021



Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3527-2021-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.702.709.011.876	2.015.325.757.859
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.781.667.643	43.365.726.311
1. Tiền	111		2.310.421.507	7.049.844.711
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.471.246.136	36.315.881.600
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	3.011.000.000	3.426.112.400
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.011.000.000	3.426.112.400
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.440.990.266	213.017.261.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	204.920.061.065	229.432.317.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.205.384.182	4.305.361.297
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	13.305.880.139	8.258.134.280
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(21.028.377.479)	(28.978.551.683)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		38.042.359	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	1.492.332.569.909	1.715.234.035.130
1. Hàng tồn kho	141		1.492.332.569.909	1.734.594.754.461
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(19.360.719.331)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.142.784.058	40.282.622.956
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.833.662.544	7.716.463.721
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		281.248.693	32.566.159.235
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		27.872.821	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		726.333.873.727	778.055.035.074
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.481.569.342	4.767.797.254
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	6.481.569.342	4.767.797.254
II. Tài sản cố định	220		463.723.893.829	545.515.021.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	361.066.462.613	434.723.769.212
Nguyên giá	222		1.042.079.480.467	1.027.462.946.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(681.013.017.854)	(592.739.177.727)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	95.487.772.378	100.807.162.238
Nguyên giá	225		120.397.413.859	118.752.101.100
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(24.909.641.481)	(17.944.938.862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	7.169.658.838	9.984.090.042
Nguyên giá	228		11.815.527.730	14.305.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.645.868.892)	(4.321.437.688)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		214.939.735.257	185.682.633.989
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	214.939.735.257	185.682.633.989
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	68.477.795
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	68.477.795
V. Tài sản dài hạn khác	260		41.188.675.299	42.021.104.544
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	41.188.675.299	40.583.080.819
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.438.023.725
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.429.042.885.603	2.793.380.792.933

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.418.376.401.407	1.803.969.485.801
I. Nợ ngắn hạn	310		1.397.225.283.419	1.757.127.739.299
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	276.564.161.228	417.843.335.122
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	16.488.953.541	11.878.213.764
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	9.852.203.094	686.806.677
4. Phải trả người lao động	314		4.256.774.553	1.596.695.535
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	14.122.603.043	16.986.000.231
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	208.527.585.547	75.827.225.487
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	858.367.293.238	1.222.829.190.221
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.045.709.175	9.480.272.262
II. Nợ dài hạn	330		21.151.117.988	46.841.746.502
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	14.072.011.164	42.162.639.678
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.079.106.824	4.679.106.824
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.010.666.484.196	989.411.307.132
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	1.010.666.484.196	989.411.307.132
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		166.825.342.471	166.825.342.471
3. Cổ phiếu quỹ	415		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.333.608.304	45.333.608.304
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.409.121.366	2.409.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		196.223.515.570	174.968.338.506
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		174.968.338.506	315.437.398.117
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.255.177.064	(140.469.059.611)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.429.042.885.603	2.793.380.792.933

Phê duyệt

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC

Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.983.198.923.211	2.517.200.392.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	1.086.964.532	4.001.415.269
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.982.111.958.679	2.513.198.977.493
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	1.788.943.521.940	2.423.874.626.569
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		193.168.436.739	89.324.350.924
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	2.831.499.046	4.409.832.008
7. Chi phí tài chính	22	5.5	75.685.416.564	88.609.509.832
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		73.859.093.446	86.095.909.060
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	9.761.881.292	40.640.370.703
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	24.842.174.690	52.759.721.412
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.710.463.239	(88.275.419.015)
11. Thu nhập khác	31		1.045.828.817	732.311.321
12. Chi phí khác	32	5.8	61.557.491.272	49.700.192.090
13. Lợi nhuận khác	40		(60.511.662.455)	(48.967.880.769)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.198.800.784	(137.243.299.784)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	105.600.000	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.838.023.720	3.225.759.827
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.255.177.064	(140.469.059.611)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		21.255.177.064	(140.469.059.611)
19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.18.4	351	(2.317)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	351	(2.317)

Phê duyệt

Người lập

Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.198.800.784	(137.243.299.784)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		123.019.570.817	117.233.598.798
Các khoản dự phòng	03		(27.310.893.535)	22.628.564.185
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(930.367.812)	(29.275.758)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.529.541.324)	(1.887.052.331)
Chi phí lãi vay	06	5.5	73.859.093.446	86.095.909.060
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		192.306.662.376	86.798.444.170
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.687.710.638	47.960.601.869
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		242.262.184.552	(133.715.635.545)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		856.467.229	171.473.041.686
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.277.206.697	(2.893.823.082)
Tiền lãi vay đã trả	14		(73.859.093.446)	(86.059.682.460)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(105.600.000)	(4.243.962.934)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(434.563.087)	(428.272.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		417.990.974.959	78.890.711.704
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(46.226.985.979)	(21.293.155.115)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.460.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.931.000.000)	(3.426.112.400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.346.112.400	7.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.477.795	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		860.575.470	1.887.052.331
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.422.820.314)	(15.832.215.184)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	1.458.409.942.920	2.376.819.592.759
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(1.826.341.108.376)	(2.400.100.887.094)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(46.483.460.036)	(35.935.043.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(414.414.625.492)	(59.216.337.819)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(38.846.470.847)	3.842.158.701
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		43.365.726.311	39.471.949.188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		262.412.179	51.618.422
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	4.781.667.643	43.365.726.311

Phê Duyệt

Người lập



Đoàn Thị Mỹ Hồng

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4602000250 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 9 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán là DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 05 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm công ty”).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Ghi chú</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Trần Hưng Đạo, Khu vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	Đang tạm nghỉ kinh doanh đến 31/12/2020
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thông Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	Đang hoạt động

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2020 là 311 (31/12/2019 là: 439).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm – kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép;
- Kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng.
- Sản xuất điện mặt trời, truyền tải và phân phối điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Năm 2020, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 2 công ty con trực tiếp. Trong năm, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm công ty.

1.6. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Một Thành viên Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%
2.	Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 8 – 20 năm
- Máy móc thiết bị 4 – 12 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 7 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 5 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 6 năm.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- | | |
|----------------------------------|----------------|
| ▪ Máy móc thiết bị | 60 – 120 tháng |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 34 – 43 tháng |

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36;

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2012 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2021).

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp chịu thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu và 10% đối với hàng bán trong nước.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	791.183.272	681.099.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.519.238.235	6.368.745.485
Các khoản tương đương tiền	2.471.246.136	36.315.881.600
Cộng	4.781.667.643	43.365.726.311

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 3,00% đến 3,10%.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với lãi suất 5,5%/năm. Các hợp đồng tiền gửi này đã được dùng để cầm cố, đảm bảo cho việc mở thư tín dụng tại ngân hàng – Xem thêm mục 4.17.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	149.316.052.513	151.539.386.978
Phải thu từ khách hàng:		
PT Blue Steel Industries	8.558.919.281	8.600.606.559
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Anh	6.478.338.282	6.931.332.913
Công Ty TNHH SX TM Thép Thành Chung	3.781.172.002	
Các khách hàng khác	36.785.578.987	62.360.990.718
Cộng	<u>204.920.061.065</u>	<u>229.432.317.168</u>

Trong đó, giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 41.140.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo khoản cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác bên liên quan – Xem thêm mục 8	5.881.670.817	(953.202.080)	4.789.995.733	(953.202.080)
Phải thu người lao động	549.821.673	-	871.548.489	-
Phải thu khác	6.874.387.649	(2.062.334.860)	2.596.590.058	(2.062.334.860)
Cộng	13.305.880.139	(3.015.536.940)	8.258.134.280	(3.015.536.940)

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ

6.481.569.342

-

4.767.797.254

-

Tại ngày 31/12/2020, phải thu khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.573.165.594	9.544.788.115	29.727.008.328	748.456.645

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
PT Blue Steel Industries Công ty TNHH SX TM	8.437.951.733	8.437.951.733	Trên 03 năm Từ 02 đến 03 năm	8.437.951.733	-	Trên 03 năm Từ 02 đến 03 năm
Thép Thành Chung Công ty TNHH SX TM	3.781.172.002	-	03 năm	3.781.172.002	-	03 năm
Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 03 năm Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.896.315.858	-	Trên 03 năm Từ 01 năm đến trên 03 năm
Các khách hàng khác	15.457.726.001	1.106.836.382		14.611.568.735	748.456.645	
Cộng	30.573.165.594	9.544.788.115		29.727.008.328	748.456.645	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	131.047.409.419	848.957.545.797	45.905.943.873	1.552.047.850	1.027.462.946.939
Mua trong năm	-	22.842.378.064	-	-	22.842.378.064
Đầu tư XDCB hoàn thành	84.168.635	-	-	-	84.168.635
Mua lại tài sản thuê	-	20.216.787.236	-	-	20.216.787.236
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.037.400.407)	-	-	(29.037.400.407)
Tại ngày 31/12/2020	131.131.578.054	862.979.310.690	46.416.543.873	1.552.047.850	1.042.079.480.467

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2020	48.923.178.045	515.516.351.341	26.872.711.864	1.426.936.477	592.739.177.727
Khấu hao trong năm	6.697.743.769	95.709.309.949	4.388.734.830	63.451.291	106.859.239.839
Mua lại tài sản thuê	-	8.814.134.655	-	-	8.814.134.655
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.706.837.078)	(118.386.683)	-	(26.825.223.761)
Giảm khác	-	(574.310.606)	-	-	(574.310.606)
Tại ngày 31/12/2020	55.620.921.814	592.758.648.261	31.143.060.011	1.490.387.768	681.013.017.854

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2020	82.124.231.374	333.441.194.456	19.033.232.009	125.111.373	434.723.769.212
Tại ngày 31/12/2020	75.510.656.240	270.220.662.429	15.273.483.862	61.660.082	361.066.462.613

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 211.178.323.416 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.995.883.514 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	52.684.020.348	52.684.020.348	5.921.169.767	5.921.169.767
Phải trả cho người bán:				
Ouda Yicahng Machinery and Electrical Equipment Manufacture Co., Ltd	65.413.216.885	65.413.216.885	65.992.963.490	65.992.963.490
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Và Đầu Tư Thép An Bình	92.232.003.502	92.232.003.502	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	66.234.920.493	66.234.920.493	345.929.201.865	345.929.201.865
Cộng	276.564.161.228	276.564.161.228	417.843.335.122	417.843.335.122

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Và Đầu Tư Thép An Bình	2.754.887.635	2.754.887.635	-	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Và Đầu Tư An Bình	4.497.057.342	4.497.057.342	-	-
JNB International General Trading LLC	1.816.004.664	1.816.004.664	-	-
Avic International Steel Trade (HK) Co., Ltd	1.725.249.725	1.725.249.725	1.725.249.725	1.725.249.725
Các khách hàng khác	5.695.754.175	5.695.754.175	10.152.964.039	10.152.964.039
Cộng	16.488.953.541	16.488.953.541	11.878.213.764	11.878.213.764



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	9.212.372.013	17.380.429.466	8.168.057.453	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	24.508.125.872	24.508.125.872	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.069.574.909	3.069.574.909	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.541.329	105.600.000	105.600.000	-	40.541.329
Thuế thu nhập cá nhân	27.872.821	1.982.030	60.382.652	135.231.069	-	48.957.626
Các loại thuế khác	-	597.307.722	118.422.877	118.422.877	-	597.307.722
Cộng	27.872.821	9.852.203.094	45.242.535.776	36.105.012.180	-	686.806.677

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CONĐịa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí phải trả các bên liên quan – Xem thêm mục 8	11.239.468.101	11.239.468.101
Chi phí phải trả cho nhân viên	1.144.512.595	3.285.225.495
Các khoản trích trước khác	1.738.622.347	2.461.306.635
Cộng	14.122.603.043	16.986.000.231

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	198.745.714.147	72.888.772.363
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.781.871.400	2.938.453.124
Cộng	208.527.585.547	75.827.225.487

*(Xem trang tiếp theo)*617
NG
NH
ÁN
TỔ
PH
10038
CÔNG
Ổ P
THI
UMỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay và nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	772.590.548.511	772.590.548.511	1.289.681.942.920	1.647.403.064.236	1.130.311.669.827	1.130.311.669.827
Vay ngắn hạn cá nhân là bên liên quan – Xem thêm mục 8	61.481.139.056	61.481.139.056	168.728.000.000	170.454.697.468	63.207.836.524	63.207.836.524
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	24.295.605.671	24.295.605.671	-	-	29.309.683.870	29.309.683.870
Cộng	858.367.293.238	858.367.293.238	1.458.409.942.920	1.817.857.761.704	1.222.829.190.221	1.222.829.190.221
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	1.883.297.992	1.883.297.992	-	8.483.346.672	10.366.644.664	10.366.644.664
Nợ thuế tài chính	36.484.318.843	36.484.318.843	21.862.099.995	46.483.460.036	61.105.678.884	61.105.678.884
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	(24.295.605.671)	(24.295.605.671)	-	-	(29.309.683.870)	(29.309.683.870)
Cộng	14.072.011.164	14.072.011.164	21.862.099.995	54.966.806.708	42.162.639.678	42.162.639.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần với tổng hạn mức 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ VND), lãi suất 6,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, tôn cuộn các loại; Mỡ LC; Chiết khấu; Phát hành bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc và hàng hóa nhập khẩu – Xem thêm mục 4.6, mục 4.7 và mục 4.8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với hạn mức tín dụng 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ VND), lãi suất 6,50 – 7,80%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê tọa lạc tại 1 phần lô CN8, KCN Sóng Thần, Xã Tân Vinh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Máy móc thiết bị; Toàn bộ quyền đối nợ luân chuyển; hàng hóa thuộc sở hữu của Nhóm công ty tại kho Sóng Thần III, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Việt Nam và Kho Thanh Trúc, 300/20 đường DT 743A, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Tài sản của các bên liên quan – Xem thêm mục 4.3, mục 4.6, mục 4.8, và mục 4.11 và mục 8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp (“Ngân hàng Sacombank”) với hạn mức tín dụng 600.000.000.000 VND (sáu trăm tỷ VND), lãi suất 7,00 – 7,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiền gửi tiết kiệm; Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, và toàn bộ hàng hóa là kẽm, sắt thép các loại (trừ phế liệu) được thanh toán thông qua Ngân hàng Sacombank của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc – Xem thêm mục 4.2, mục 4.6 và mục 8.
- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND (ba mươi tỷ VND), lãi suất 6,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng cầm cố sổ/ thẻ tiết kiệm thuộc sở hữu bởi Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Xem thêm mục 8.
- Vay dài hạn ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng 2.000.000.000 VND (hai tỷ VND), lãi suất 9,59%/năm, để mua phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ khoản vay – Xem thêm mục 4.8.
- Vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp theo với lãi suất 9,40%/năm. Mục đích vay là để mua phương tiện vận tải. Thời hạn là 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai – Xem thêm mục 4.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay cá nhân được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn cá nhân của ông Nguyễn Thanh Nghĩa bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,30%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thị Bích Liên bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thanh Loan bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thanh Dung bằng hình thức tin chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

Khoản nợ thuế tài chính là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có thời hạn thuế từ 34 tháng đến 120 tháng, lãi suất thuế từ 8,00% đến 10,00%/năm.

Các khoản nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

Tại ngày 31/12/2020

VND

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	24.900.513.975	2.154.872.976	22.745.640.999
Trên 1 năm đến 5 năm	14.331.779.911	593.102.067	13.738.677.844
Cộng	39.232.293.886	2.747.975.043	36.484.318.843

Tại ngày 01/01/2020

VND

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	28.546.859.446	7.720.522.248	20.826.337.198
Trên 1 năm đến 5 năm	45.727.924.023	5.448.582.337	40.279.341.686
Cộng	74.274.783.469	13.169.104.585	61.105.678.884

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	VND	
Tại ngày 01/01/2019	614.354.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	315.437.398.117	1.129.880.366.743	
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	(140.469.059.611)	(140.469.059.611)	
Tại ngày 01/01/2020	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	174.968.338.506	989.411.307.132	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	21.255.177.064	21.255.177.064	
Tại ngày 31/12/2020	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	196.223.515.570	1.010.666.484.196	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	292.202.130.000	292.202.130.000
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	120.111.790.000	83.530.700.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	78.999.520.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	62.443.780.000	62.443.780.000
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	26.195.800.000	26.195.800.000
Bà Nguyễn Thanh Trúc	24.350.000.000	-
Cổ đông khác	10.053.020.000	70.984.110.000
Cộng	614.356.040.000	614.356.040.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(804.620)	(804.620)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	60.630.984	60.630.984

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của công ty mẹ	21.255.177.064	(140.469.059.611)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.255.177.064	(140.469.059.611)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	351	(2.317)

4.18.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của công ty mẹ	21.255.177.064	(140.469.059.611)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.255.177.064	(140.469.059.611)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	351	(2.317)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<u>Tại ngày 31/12/2020</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	38.353,73	126.893,97

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.941.147.818.194	2.420.206.482.672
Doanh thu bán công cụ dụng cụ	33.760.658.944	93.041.443.134
Doanh thu gia công	8.290.446.073	3.952.466.956
Cộng	<u>1.983.198.923.211</u>	<u>2.517.200.392.762</u>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8 872.472.171.467 613.117.055.916

Doanh thu năm nay giảm hơn 21% so với năm trước chủ yếu do sản lượng bán giảm. Nguyên nhân là do sự cạnh tranh mạnh tại thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Đồng thời việc xuất khẩu của Nhóm công ty gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19 và các biện pháp tự vệ thương mại của các quốc gia.

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Giảm giá hàng bán	-	3.984.352.997
Hàng bán bị trả lại	1.086.964.532	17.062.272
Cộng	<u>1.086.964.532</u>	<u>4.001.415.269</u>

5.3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	1.781.542.266.466	2.312.284.770.293
Giá vốn của vật tư, công cụ, dụng cụ, phế liệu	24.632.469.034	2.382.357.722
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.129.505.771	89.846.779.224
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.360.719.331)	19.360.719.330
Cộng	<u>1.788.943.521.940</u>	<u>2.423.874.626.569</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.816.953.110	2.516.829.677
Lãi tiền gửi	860.575.470	1.887.052.331
Khác	153.970.466	5.950.000
Cộng	2.831.499.046	4.409.832.008

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	73.859.093.446	86.095.909.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.826.323.118	2.513.600.772
Cộng	75.685.416.564	88.609.509.832

Chi phí tài chính giảm hơn 15% so với năm trước chủ yếu do giảm chi phí lãi vay. Nguyên nhân là do Nhóm công ty giảm sử dụng vốn vay và Ngân hàng hỗ trợ hạ lãi suất do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quảng cáo	4.034.350.308	22.791.027.041
Chi phí vận chuyển	2.335.047.321	6.650.605.457
Chi phí nhân viên	2.160.872.908	2.884.292.125
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.231.610.755	8.314.446.080
Cộng	9.761.881.292	40.640.370.703

Chi phí bán hàng giảm hơn 76% so với năm trước chủ yếu do doanh thu xuất khẩu giảm và Nhóm công ty cắt giảm chi phí quảng cáo.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	18.583.037.291	29.256.789.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.065.366.691	13.207.708.334
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(7.950.174.204)	3.267.844.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.534.388.148	3.522.818.694
Các khoản chi phí QLDN khác	2.609.556.764	3.504.560.074
Cộng	24.842.174.690	52.759.721.412

Chi phí quản lý giảm hơn 53% so với năm trước chủ yếu do Nhóm công ty cắt giảm số lượng nhân viên quản lý và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi là do khoản nợ phải thu quá hạn từ Công ty PT Blue Steel Industries đã được đảm bảo từ Công ty Shenzhen one Touch Business.

5.8. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngưng hoạt động	42.104.568.855	41.509.408.787
Chi phí khác do tạm ngưng hoạt động	16.594.738.417	8.190.783.303
Các khoản khác	2.858.184.000	-
Cộng	61.557.491.272	49.700.192.090

Chi phí khác tăng hơn 24% so với năm trước là do thời gian tạm ngưng hoạt động năm nay dài hơn so với năm trước do sửa chữa máy móc và dịch bệnh COVID-19.

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.482.380.951.353	2.157.995.869.894
Chi phí nhân công	38.061.032.208	23.528.788.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.984.505.183	36.429.581.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.870.904.800	41.701.006.296
Chi phí khác bằng tiền	3.843.309.519	22.399.207.727
Cộng	1.700.140.703.063	2.282.054.453.806

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế xuất TNDN của từng công ty trong Nhóm công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	20%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	15%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	20%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai**

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	21.862.099.995	-

6.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.458.409.942.920	2.376.819.592.759

6.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.826.341.108.376)	(2.400.100.887.094)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất và kinh doanh sắt, thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

- Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thanh Loan

Mối quan hệ

Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
 Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
 Nhân sự quản lý chủ chốt
 Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	146.298.052.513	132.972.086.202
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	-	18.567.300.776
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	3.018.000.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.3	149.316.052.513	151.539.386.978
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	5.063.109.897	3.996.334.813
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	-	5.100.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	818.560.920	788.560.920
Cộng – Xem thêm mục 4.4	5.881.670.817	4.789.995.733
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.12:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	(52.684.020.348)	(5.921.169.767)
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(198.669.714.277)	(72.813.613.563)
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	(75.158.800)	(75.158.800)
Cộng – Xem thêm mục 4.16	(198.745.714.147)	(72.888.772.363)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vay ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(34.963.302.532)	(36.690.000.000)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT	(24.587.103.274)	(24.587.103.274)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT	(866.733.250)	(866.733.250)
Cộng – Xem thêm mục 4.17	(61.481.139.056)	(63.207.836.524)
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	(3.386.803.713)	(3.386.803.713)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT	(7.552.082.184)	(7.552.082.184)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Thành viên HĐQT	(170.892.291)	(170.892.291)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(129.689.913)	(129.689.913)
Cộng – Xem thêm mục 4.15	(11.239.468.101)	(11.239.468.101)
Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan, như sau:		
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	62.677.064.000	96.568.390.927
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	809.795.107.467	516.548.664.989
Cộng – Xem thêm mục 5.1	872.472.171.467	613.117.055.916
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	48.762.691.572	108.022.543.287
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	527.063.013.144	292.667.265.504
Cộng	575.825.704.716	400.689.808.791

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua tài sản:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	18.978.561.110	-
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	7.925.453.410	-
	<hr/>	<hr/>
Cộng	26.904.014.520	-
	<hr/>	<hr/>
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán tài sản:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	2.400.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc		
Vay tiền	168.728.000.000	-
Tạm ứng chi phí hoạt động	47.866.000.000	-
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	3.018.000.000	-

Cam kết bảo lãnh:

Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng 7.181.775 cổ phần của Công ty CP Đại Thiên Lộc thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương – Xem thêm mục 4.17.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng các sổ tiết kiệm có kỳ hạn thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương – Xem thêm mục 4.17.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc và Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Chủ tịch HĐQT đã dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm công ty tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp – Xem thêm mục 4.17.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc	284.512.200	102.901.800
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Giám đốc	95.039.800	199.730.600
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng, Phó Tổng Giám đốc	288.757.700	140.400.500
Bà Nguyễn Thanh Dung, Phó Tổng Giám đốc	190.298.500	140.929.100
Bà Nguyễn Thanh Loan, Phó Tổng Giám đốc	93.339.700	217.599.300
Bà Đoàn Thị Bích Thúy, Phó Giám đốc	165.269.800	113.411.900
Các thành viên quản lý chủ chốt khác	4.473.099.800	4.240.155.395
Cộng	5.590.317.500	4.937.529.295

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm, Nhóm công ty không chi trả thù lao cho Ban Kiểm soát.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Nhóm công ty đến 31/12/2020 nhưng Nhóm công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt

Người lập

Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

